

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 304/2024/TLST-HNGĐ ngày 23-5-2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Phạm Thị Ánh C**, Sinh năm: 1995
Địa chỉ: **B H, tổ A, phường H, Tp P, tỉnh Gia Lai,**
- Anh **Nguyễn Tiến C1**, Sinh năm: 1985
Địa chỉ: **tổ D, phường H, Tp P, tỉnh Gia Lai,**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị Ánh C2**, anh **Nguyễn Tiến C1** chung sống với nhau vào năm 2012, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân **phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai** ngày 28/10/2014

Nay, chị **Phạm Thị Ánh C** và anh **Nguyễn Tiến C1** đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; họ đã sống ly thân. Vì những nguyên nhân đó, **Phạm Thị Ánh C** và anh **Nguyễn Tiến C1** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị **Phạm Thị Ánh C** và anh **Nguyễn Tiến C1** có 03 con chung là **Nguyễn Anh H**, sinh ngày 22/02/2013; **Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 28/01/2015 và cháu **Nguyễn Anh V**, sinh ngày 06/11/2017. Ly hôn anh, chị thỏa thuận và theo nguyện vọng của **Nguyễn Anh H, Nguyễn Ngọc L** giao hai cháu **H, L** cho anh **Nguyễn Tiến C1** và giao cháu **Nguyễn Anh V** cho chị **Phạm Thị Ánh C** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng cho con: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thị Ánh C2**, anh **Nguyễn Tiến C1** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị **Phạm Thị Ánh C** và anh **Nguyễn Tiến C1** có 03 con chung là **Nguyễn Anh H**, sinh ngày 22/02/2013; **Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 28/01/2015 và cháu **Nguyễn Anh V**, sinh ngày 06/11/2017.

Ly hôn anh, chị thoả thuận và theo nguyện vọng của **Nguyễn Anh H**, **Nguyễn Ngọc L** giao hai con chung **Nguyễn Anh H**, **Nguyễn Ngọc L** cho anh **Nguyễn Tiến C1** và giao cháu **Nguyễn Anh V** cho chị **Phạm Thị Ánh C** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng cho con: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị **Phạm Thị Ánh C** và anh **Nguyễn Tiến C1** tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001726 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; anh **C1** và chị **C** đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND phường Hoa Lư, Tp Pleiku.
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tố Uyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 288/2023/QĐST-HNGĐ

Pleiku, ngày 03 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 465/2023/TLST-HNGĐ ngày 23-6-2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Huỳnh Kim B** – sinh năm: 1983.

Địa chỉ: **A T, phường Y, Tp P, tỉnh Gia Lai.**

2. Chị **Phạm Thị T** – sinh năm: 1991.

Địa chỉ: **A T, phường Y, Tp P, tỉnh Gia Lai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Về quan hệ hôn nhân: Anh **Huỳnh Kim B** và chị **Phạm Thị T** kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai ngày 11/8/2009.

Nay, anh **Huỳnh Kim B** và chị **Phạm Thị T** đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; họ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau trong một khoảng thời gian dài. Vì những nguyên nhân đó, anh **Huỳnh Kim B** và chị **Phạm Thị T** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh **Huỳnh Kim B** và chị **Phạm Thị T** có 02 con chung là cháu **Huỳnh Phạm Bảo U**, sinh ngày 11/8/2009 và cháu **Huỳnh Phạm Diễm M**, sinh ngày 18/3/2019. Các đương sự thống nhất và phù hợp với nguyện vọng của cháu **Huỳnh Phạm Bảo U**. Nên giao con chung cho anh **Huỳnh Kim B** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng cho con: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Huỳnh Kim B** và chị **Phạm Thị T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là **Huỳnh Phạm Bảo U**, sinh ngày 11/8/2009 và cháu **Huỳnh Phạm Diễm M**, sinh ngày 18/3/2019 cho anh **Huỳnh Kim B** trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh **Huỳnh Kim B** và chị **Phạm Thị T** tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000481 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; anh **B** và chị **T** đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND xã Ia Dom, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (KH ngày 11/8/2009);
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tố Uyên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 303/2023/QĐST-HNGĐ

Pleiku, ngày 13 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 499/2023/TLST-HNGĐ ngày 05-7-2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Lưu Văn T1** Sinh năm: 1984

Địa chỉ: **D H, phường I, Tp P, tỉnh Gia Lai,**

2. Chị **Kpã Thị H1** Sinh năm: 1991

Địa chỉ: **Tô E, phường T, Tp P, tỉnh Gia Lai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lưu Văn T1** và chị **Kpã Thị H1** kết hôn tại Ủy ban nhân **phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai** ngày 06/6/2014.

Nay, anh **Lưu Văn T1** và chị **Kpã Thị H1** đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; họ không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau trong một khoảng thời gian dài. Vì những nguyên nhân đó, anh **Lưu Văn T1** và chị **Kpã Thị H1** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh **Lưu Văn T1** và chị **Kpã Thị H1** có 02 con chung là cháu **Lưu Văn Thành T2**, sinh ngày 03/01/2015 và **Lưu Thị Nhã P** sinh ngày 11/9/2019. Anh **T1** và chị **H1** thỏa thuận và theo nguyện vọng của cháu **T2**, giao con chung **Lưu Văn Thành T2** cho anh **T1** và giao cháu **Lưu Thị Nhã P** cho chị **H1** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng cho con: Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lưu Văn T1** và chị **Kpã Thị H1** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung **Lưu Văn Thành T2**, sinh ngày: 03/01/2015 cho anh **Lưu Văn T1** và giao cháu **Lưu Thị Nhã P**, sinh ngày: 11/9/2019 cho chị **Kpã Thị H1** trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh **Lưu Văn T1** và chị **Kpã Thị H1** tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001026 ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; anh **T1** và chị **H1** đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND phường Ia Kring, Tp Pleiku;
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tố Uyên